

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v: “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con”

**NHÂN DAH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Trần Thị Thu TrAg

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 389/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số N, phường Y, quận B, Thành phố H (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ah **Võ Tuấn A**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Phương T trình bày:*

Chị và Ah Võ Tuấn A quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thành hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã A, huyện M, tỉnh B và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/10/2013. Sau khi T hôn thì Ah chị sống cùng gia đình của chị T tại T phố Hồ Chí Minh. Trong thời giA chung sống thì vợ chồng thường xuyên cãi vả do bất đồng quA điểm sống. Mâu thuẫn trầm trọng Ah chị ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Trong thời giA ly thân cả hai không có gặp gỡ để hàn gắn đoàn tụ. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với Ah A.

Về con chung: Chị T và Ah A có một con chung là Võ Tuấn K, sinh ngày 22/9/2014, hiện đAg sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu Ah A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn là Ah Võ Tuấn A vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, Ah A cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của Ah về những nội dung có liên quA đến yêu cầu khởi kiện của chị T.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu quA điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo qui định tại điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương T, cụ thể: Nguyễn Phương T được ly hôn với Ah Võ Tuấn A Về con chung: Chị T được quyền nuôi con chung là Võ Tuấn K, sinh ngày 22/9/2014, Ah A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nợ chung: không có nên không xem xét.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Phương T đối với Ah Võ Tuấn A thì vụ án có quA hệ trAh chấp là “*Ly hôn, trAh chấp về nuôi con*”. QuA hệ pháp luật trAh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] AhVõ Tuấn A có nơi cư trú tại xã A, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Ah Võ Tuấn A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Phương T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Ah Võ Tuấn A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, Ah A theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung trả lời của bị đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T và Anh Võ Tuấn A tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Chị T cho rằng hôn nhân giữa chị và Anh A không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với Anh A. Theo chị T trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa chị và Anh A có sự bất đồng về quan điểm sống và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 6/2020 đến nay chị T và Anh A sống ly thân, Anh chị không thể đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết thì Anh A không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của Anh về hôn nhân giữa Anh với chị T và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với Anh A đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với Anh A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị T và Anh A có một con chung là Võ Tuấn K, sinh ngày 22/9/2014. Cháu K sống với chị T từ khi chị và Anh A ly thân cho đến nay, chị T cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu K cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị T. Anh A vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Võ Tuấn K cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Võ Tuấn K, sinh ngày 22/9/2014 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Anh A cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; Anh A vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của Anh A về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lý do trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương T, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T được ly hôn với Ah Võ Tuấn A.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Phương T được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Võ Tuấn K, sinh ngày 22/9/2014. Ghi nhận việc chị Nguyễn Phương T không yêu cầu Ah Võ Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Ah Võ Tuấn A có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở Ah thực hiện quyền này. Trong trường hợp Ah Võ Tuấn A lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Phương T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Ah Võ Tuấn A.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Phương T, Ah Võ Tuấn A hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Phương T, Ah Võ Tuấn A có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0002926 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp

có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự <sup>(2b)</sup> ;
- TAD tỉnh B <sup>(1b)</sup> ;
- VKSND huyện M <sup>(1b)</sup> ;
- Chi cục THADS huyện M <sup>(1b)</sup> ;
- UBND xã A Định <sup>(1b)</sup> ;
- Lưu HS, VP <sup>(2b)</sup> TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Thị Thu Trang**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





